

Bản án số: 195/2024/HNGĐ - ST  
Ngày 29 tháng 11 năm 2024  
“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Hoàng Mai; Ông Lý Tuấn Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 554/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 669/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 657/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: số B, tổ G, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: số B, tổ G, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Trương Thị Ngọc T trình bày: Bà T và ông T1 quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 209 ngày 04/11/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông T1 ghen tuông vô cớ nên vợ chồng dẫn đến cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T1, vì cả hai có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Về con chung, có 04 con chung tên Trần Quốc V, sinh ngày 08/11/2001, Trần Trung H, sinh ngày 19/9/2004, Trần Minh K, sinh ngày 23/7/2009 và Trần Thị Hồng H1, sinh năm 13/7/2012. Hiện cháu V, cháu H đã trưởng thành, riêng cháu K, cháu H1 chưa đủ 18 tuổi nên bà T yêu cầu được

nuôi con, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2024, bị đơn Trần Văn T1 thống nhất với bà T về hôn nhân, về con chung, không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, ông T1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, vì ông còn thương vợ con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự tại bản tự khai, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn nhận được các văn bản do Tòa án cấp tổng đạt nhưng vắng lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

#### [2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 209 ngày 04/11/2003 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không tin tưởng nhau và thiếu sự chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến bất đồng quan điểm nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng bị đơn không đồng ý.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng và chia sẻ nhau những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng bị đơn

không đồng ý, vì còn thương vợ con nên Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian cho các bên tự hòa giải để hàn gắn hôn nhân nhưng không có kết quả, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét về tình nghĩa vợ chồng thì cả hai không còn nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông T1 và bà T có 04 con tên Trần Quốc V, sinh ngày 08/11/2001, Trần Trung H, sinh ngày 19/9/2004, Trần Minh K, sinh ngày 23/7/2009 và Trần Thị Hồng H1, sinh năm 13/7/2012. Hiện cháu V, cháu H đã trưởng thành, riêng cháu K, cháu H1 chưa đủ 18 tuổi nên bà T yêu cầu được nuôi con, đồng thời cháu K, cháu H1 có nguyện vọng được sống với bà T sau khi cha, mẹ ly hôn nhưng ông T1 không có ý kiến phản đối. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học hành cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh, nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao quyền cho bà T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, cháu H1 theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên không xét đến.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19; Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc T được ly hôn với ông Trần Văn T1. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Minh K, sinh ngày 23/7/2009 và cháu Trần Thị Hồng H1, sinh năm 13/7/2012. Riêng, cháu Trần Quốc V, sinh ngày 08/11/2001 và cháu Trần Trung H, sinh ngày 19/9/2004 đã trưởng thành và có khả năng tự lập. Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Trương Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000748 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*(Giải thích điều 26 Luật Thi hành án dân sự)*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPL;
- VKSND TPL;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường M, TPL;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Nam**